

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-40
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-40



CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thế	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Nhi	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Ủy viên
Ông Ngô Vi Anh Tú	Ủy viên
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thế	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Anh Chung	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Xuân Hòa	Thành viên
Bà Hoàng Thị Mai Phương	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

026770
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ỐNG THÉP
VIỆT - ĐỨC
VG PIPE
TÊN-T.VN

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Thế

Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 20 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên
Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Trương Thị Hoài Anh

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2013-002-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2017



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.095.412.370.371	578.110.407.606
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	11.152.904.699	25.502.815.111
111	1. Tiền		11.152.904.699	25.502.815.111
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		672.232.407.293	339.679.997.858
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	559.298.167.131	345.650.623.244
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	123.465.428.449	10.074.423.298
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	9	22.817.943.911	17.364.083.514
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(33.349.132.198)	(33.409.132.198)
140	IV. Hàng tồn kho	11	403.748.137.238	200.543.434.511
141	1. Hàng tồn kho		403.748.137.238	200.543.434.511
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.278.921.141	12.384.160.126
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	1.156.747.606	7.670.984.636
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.122.173.535	4.713.175.490
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		424.915.514.203	511.454.148.863
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		104.000.000.000	130.000.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	104.000.000.000	130.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		175.214.358.773	242.655.370.663
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	160.237.791.010	227.330.415.313
222	- Nguyên giá		388.948.422.698	419.760.486.019
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(228.710.631.688)	(192.430.070.706)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	14.976.567.763	15.324.955.350
228	- Nguyên giá		18.322.489.829	18.322.489.829
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.345.922.066)	(2.997.534.479)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		33.464.848.723	26.815.009.675
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	33.464.848.723	26.815.009.675
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	100.861.312.722	95.506.926.686
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		100.861.312.722	95.506.926.686
260	VI. Tài sản dài hạn khác		11.374.993.985	16.476.841.839
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	11.374.993.985	16.476.841.839
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.520.327.884.574	1.089.564.556.469

1001
CỔ
TRÁCH
HẠN
HOA

67703 - C
GTY
PHÂN
THÉP
- ĐỨC
PIPE
V-T.VINH PHU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		936.628.763.055	557.950.615.425
310	I. Nợ ngắn hạn		906.634.948.505	520.357.656.875
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	340.936.280.225	129.778.614.325
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		498.882.985	2.721.519.663
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	6.077.293.793	7.056.218.134
314	4. Phải trả người lao động		9.324.428.351	8.441.972.289
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3.724.169.303	2.738.540.710
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	858.006.186	1.153.443.636
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	2.320.070.962	924.101.047
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	523.785.935.258	358.565.831.358
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		19.109.881.442	8.977.415.713
330	II. Nợ dài hạn		29.993.814.550	37.592.958.550
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	20.613.910.700	20.213.054.700
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	9.379.903.850	17.379.903.850
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		583.699.121.519	531.613.941.044
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	583.699.121.519	531.613.941.044
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		375.997.100.000	375.997.100.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		375.997.100.000	375.997.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.835.386.699	67.810.722.053
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(15.990.198.846)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		30.404.972.177	23.960.752.124
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.560.759.181	372.666.308
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		105.826.900.530	79.401.527.855
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		43.398.217.856	39.845.962.426
421b	LNST chưa phân phối năm nay		62.428.682.674	39.555.565.429
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		74.002.932	61.371.550
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.520.327.884.574	1.089.564.556.469



Nguyễn Thị Thúy
Người lập

Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2016


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	4.579.290.686.047	3.444.877.662.763
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	28.385.358.153	16.387.035.564
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.550.905.327.894	3.428.490.627.199
11	4. Giá vốn hàng bán	26	4.301.381.574.111	3.274.378.935.139
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		249.523.753.783	154.111.692.060
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	13.711.170.567	19.490.052.653
22	7. Chi phí tài chính	28	33.083.685.910	37.372.378.832
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		33.076.283.827	36.921.124.331
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		5.354.386.036	13.435.697.566
25	9. Chi phí bán hàng	29	102.111.769.321	48.538.104.795
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	31.292.895.396	43.702.267.012
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		102.100.959.759	57.424.691.640
31	12. Thu nhập khác	31	114.441.650	416.249.496
32	13. Chi phí khác	32	4.754.718.305	881.573.406
40	14. Lợi nhuận khác		(4.640.276.655)	(465.323.910)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		97.460.683.104	56.959.367.730
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	15.936.357.665	8.772.687.660
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		81.524.325.439	48.186.680.070
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		81.509.464.990	48.182.393.423
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		14.860.449	4.286.647
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	1.923	1.195



Nguyễn Thị Thúy
Người lập



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		97.460.683.104	56.959.367.730
	5. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		63.309.300.643	32.413.899.225
03	- Các khoản dự phòng		(60.000.000)	19.960.553.187
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(15.731.216.054)	(30.813.311.925)
06	- Chi phí lãi vay		33.076.283.827	36.921.124.331
07	- Các khoản điều chỉnh khác		91.031.102	-
08	13 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		178.146.082.622	115.441.632.548
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(335.211.778.591)	172.606.968.371
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(203.204.702.727)	144.043.223.323
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		209.587.934.944	(87.382.243.488)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		11.616.084.884	(1.487.318.316)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(32.957.231.496)	(37.022.252.843)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(14.439.368.241)	(5.909.556.765)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		20.000.000	30.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.338.232.727)	(1.239.810.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(187.781.211.332)	299.080.642.830
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(10.200.669.711)	(44.173.038.786)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		4.634.469.281	1.432.597.996
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		26.000.000.000	30.000.000.000
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	9.723.608.376
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.735.273.758	18.250.582.574
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		34.169.073.328	15.233.750.160
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		18.014.863.492	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		3.459.889.195.363	2.840.098.515.223
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(3.302.669.091.463)	(3.128.452.914.327)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(35.972.739.800)	(8.991.888.950)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		139.262.227.592	(297.346.288.054)

267703
CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE
N-T.VINH


01001
CƠ QUAN TRÁCH NHIỆM HANG A HOANK


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016


(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(14.349.910.412)	16.968.104.936
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		25.502.815.111	8.534.710.175
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	<u>11.152.904.699</u>	<u>25.502.815.111</u>


Nguyễn Thị Thúy
Người lập


Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng




Nguyễn Hữu Thể
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 03 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 375.997.100.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 375.997.100.000 đồng; tương đương 37.599.710 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; Luyện gang, thép;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.



Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Đối với tồn kho: Tồn kho tại ngày 31/12/2016 tăng cao hơn so với đầu năm là do: Giá cả thép thế giới tăng mạnh trở lại vì vậy Công ty đã mua tăng lên để phục vụ sản xuất cho các kỳ tiếp theo. Mặt khác, sản lượng sản xuất và bán hàng trong năm 2016 đối với thành phẩm cao hơn so với năm 2015. Vì vậy để đảm bảo đủ lượng hàng bán trong các tháng, Công ty phải tăng dự trữ hàng tồn kho. Ngoài ra, do Công ty Cổ phần Thép Việt Đức (công ty con) đã đầu tư thêm một dây chuyền mạ kẽm đi vào hoạt động trong quý III năm 2016 nên phải tăng lượng hàng tồn kho để phục vụ cho dây chuyền khi đi vào hoạt động.

Đối với tình hình tiêu thụ: Do tình hình kinh doanh phải cạnh tranh quyết liệt giữa các nhà máy, đồng thời để đẩy lượng hàng sản xuất ra thị trường nhiều đòi hỏi Công ty phải có chính sách khuyến khích sản lượng cho từng khách hàng, từng vùng, từng thị trường và từng mặt hàng. Do vậy, Công ty phải thay đổi và đưa ra các chính sách chiết khấu theo sản lượng tiêu thụ để khuyến khích các nhà phân phối tập trung bán ống thép Việt Đức, chiết khấu thương mại theo đó tăng 85% so với số liệu cùng kỳ. Vì vậy trong năm 2016, sản lượng bán hàng đối với thành phẩm của Công ty tăng gần 30% so với năm 2015, sản lượng bán hàng tăng dẫn đến hiệu quả hoạt động sản xuất của Công ty tăng lên đáng kể.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	99,94%	99,94%	Sản xuất tôn cán nguội và ống thép cỡ lớn

- Công ty có các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Sản xuất Thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	28,60%	28,60%	Sản xuất thép chất lượng cao
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	Đầu tư kinh doanh bất động sản

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày đúng theo mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 05 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 60.700 m² đất tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm;
- Quyền sử dụng 2.720 m² đất tại xã Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m² đất tại phường Khai Quang và phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m² tại Khu biệt thự nhà vườn, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao.

Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao nên Công ty đã thực hiện áp dụng mức khấu hao bằng 2 lần mức khấu hao theo đường thẳng đối với toàn bộ tài sản cố định (trừ nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất) để xác định kết quả sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được kiểm soát bởi bên nhận thực hiện kế toán cho BCC.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện kế toán cho BCC và có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC. Trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, các khoản tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

3 . ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ THEO KẾT QUẢ THANH TRA CỦA CƠ QUAN THANH TRA

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 do Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức - Công ty liên kết điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và các chỉ tiêu tương ứng trên Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh cụ thể như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu đã kiểm toán năm trước</u> VND	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u> VND	<u>Chênh lệch</u> VND	<u>Ghi chú</u>
Bảng cân đối kế toán					
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252	93.228.709.584	95.506.926.686	2.278.217.102	(1)
LNST chưa phân phối năm nay	421b	37.277.348.327	39.555.565.429	2.278.217.102	(1)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	8	11.157.480.464	13.435.697.566	2.278.217.102	(1)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18	45.908.462.968	48.186.680.070	2.278.217.102	(1)

(1) Từ năm 2015 đến hết năm 2017, Công ty CP Sản xuất Thép Việt Đức được hưởng ưu đãi 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất căn cứ trên văn bản số 17328 ngày 06/12/2016 của Bộ Tài chính về việc miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp. Số thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức được giảm trong năm 2015 là 7.965.554.995 đồng, vì vậy Công ty điều chỉnh tăng lợi nhuận từ Công ty liên doanh, liên kết tương ứng với tỷ lệ góp vốn tại Công ty CP Sản xuất Thép Việt Đức.

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2016</u> VND	<u>01/01/2016</u> VND
Tiền mặt	153.110.791	500.738.916
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.999.793.908	25.002.076.195
	<u>11.152.904.699</u>	<u>25.502.815.111</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2016				01/01/2016			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư vào Công ty liên kết								
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	Vĩnh Phúc	28,60%	28,60%	91.265.747.430	Vĩnh Phúc	28,60%	28,60%	86.060.825.713
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	9.595.565.292	Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	9.446.100.973
			100.861.312.722					95.506.926.686

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 40.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ Phần Thép Tổng Hợp	31.222.004.602	34.486.001.583
- Doanh nghiệp tư nhân Nam Châm	123.483.056.043	88.035.311.117
- Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại Tổng Hợp Miền Bắc	204.337.959.560	112.450.781.393
- Công ty Cổ phần Thương mại và Vận Tải Việt Đức	63.514.915.420	8.166.964.212
- Các khoản phải thu khách hàng khác	136.740.231.506	102.511.564.939
	559.298.167.131	345.650.623.244
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	2.775.606.572	1.350.382.939
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.		

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi tiết phải trả người bán ngắn hạn theo đối tượng có số dư lớn				
- Công ty Cổ Phần Thương Mại Hiệp Hương	31.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	62.155.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần thép Hòa Phát	21.829.500.000	-	-	-
- Công ty CP Bình Minh Vĩnh Phúc	-	-	2.600.753.374	-
- Trả trước cho người bán khác	8.480.928.449	-	7.473.669.924	-
	123.465.428.449	-	10.074.423.298	-

8 . PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay dài hạn	104.000.000.000	130.000.000.000
	104.000.000.000	130.000.000.000

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2011-NQ-VGP ngày 16/10/2011 và Hợp đồng, các phụ lục hợp đồng, Công ty đồng ý cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay để đầu tư xây dựng nhà máy thép chất lượng cao. Thời hạn vay là 10 năm, lãi suất sẽ được áp dụng theo tỷ lệ lãi vay của các ngân hàng cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.026.111.111	-	1.336.482.222	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	6.357.533	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	22.278.525	-
Tạm ứng	822.329.488	-	11.919.382.079	-
Ký cược, ký quỹ	20.422.200.000	-	3.881.356.050	-
Phải thu khác	547.303.312	-	198.227.105	-
	22.817.943.911	-	17.364.083.514	-

10 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Trường Quang	9.866.128.448	-	9.926.128.448	-
- Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thiên Phúc Lộc	23.483.003.750	-	23.483.003.750	-
	33.349.132.198	-	33.409.132.198	-

11 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	25.534.917.784	-	35.944.867.926	-
Nguyên liệu, vật liệu	237.141.022.280	-	67.584.777.661	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.246.946.439	-	11.349.981.334	-
Thành phẩm	105.985.687.546	-	82.152.518.474	-
Hàng hoá	26.839.563.189	-	3.511.289.116	-
	403.748.137.238	-	200.543.434.511	-

Trong đó: Một số hàng tồn kho luân chuyển được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số 21).

12 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	26.838.109.675	26.815.009.675
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh ⁽¹⁾	8.574.545.454	8.574.545.454
- Dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh ⁽²⁾	18.250.076.663	18.226.976.663
- Chi phí quyền sử dụng đất Miền Nam	13.487.558	13.487.558
Mua sắm tài sản cố định	6.626.739.048	-
- Lắp đặt dây truyền máy móc thiết bị ⁽³⁾	6.626.739.048	-
	<u>33.464.848.723</u>	<u>26.815.009.675</u>

(1) Chi phí đang tập hợp là toàn bộ chi phí chuyển giao hạ tầng lô đất CC4 có chức năng xây dựng công trình công cộng tại Khu đô thị mới Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng kinh tế số 16/HUD-SGDBĐS ngày 29/01/2010. Tuy nhiên theo Công văn phúc đáp mới nhất của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị (HUD) ngày 10/12/2015, hiện tại lô đất CC4 thuộc giai đoạn 2 dự án Khu đô thị mới Vân Canh phải tạm dừng triển khai chờ điều chỉnh quy hoạch chi tiết phù hợp với quy hoạch phân khu đô thị S2.

(2) Hợp tác đầu tư dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Việt Đức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2011 của Công ty và quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc. Sau đó, Công ty tạm dừng đầu tư trong thời gian chờ phê duyệt dự án của Thủ tướng chính phủ theo quy định về thay đổi thẩm quyền phê duyệt dự án. Ngày 23/11/2015, theo Công văn số 2124/TTg-KTN, Thủ tướng Chính Phủ đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chuyển mục đích sử dụng đất, dự án có đầy đủ cơ sở pháp lý để tiếp tục thực hiện đầu tư. Hiện nay, Công ty đang trong quá trình kêu gọi các nhà đầu tư góp vốn tiếp tục thực hiện dự án. Các chi phí đã phát sinh chủ yếu là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng. Thông tin chi tiết về dự án xem tại thuyết minh số 20.

(3) Trong năm, Công ty đầu tư mua sắm, lắp đặt hệ thống máy cắt, máy uốn ống với tổng giá trị đầu tư dự toán là 8 tỷ đồng. Toàn bộ chi phí đang tập hợp trên khoản mục mua sắm tài sản cố định là chi phí mua máy cắt, máy uốn ống và vật tư tiêu hao liên quan đến giai đoạn lắp máy.



CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	133.104.828.309	259.973.443.710	25.083.639.282	1.598.574.718	419.760.486.019
- Mua trong năm	1.200.000.000	2.350.830.663	-	-	3.550.830.663
- Thanh lý, nhượng bán	(4.423.303.537)	(27.059.554.841)	(2.880.035.606)	-	(34.362.893.984)
Số dư cuối năm	129.881.524.772	235.264.719.532	22.203.603.676	1.598.574.718	388.948.422.698
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	41.479.138.268	139.787.657.328	10.004.761.921	1.158.513.189	192.430.070.706
- Khấu hao trong năm	6.552.128.861	50.554.604.909	5.433.165.257	421.014.029	62.960.913.056
- Thanh lý, nhượng bán	(1.640.308.394)	(22.683.957.314)	(2.356.086.366)	-	(26.680.352.074)
Số dư cuối năm	46.390.958.735	167.658.304.923	13.081.840.812	1.579.527.218	228.710.631.688
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	91.625.690.041	120.185.786.382	15.078.877.361	440.061.529	227.330.415.313
Tại ngày cuối năm	83.490.566.037	67.606.414.609	9.121.762.864	19.047.500	160.237.791.010

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 69.399.394.893 đồng;
- Tổng chi phí khấu hao trong năm tăng lên do thực hiện tính khấu hao gấp 2 lần mức khấu hao đường thẳng: 28.162.649.268 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	18.219.064.829	103.425.000	18.322.489.829
Số dư cuối năm	<u>18.219.064.829</u>	<u>103.425.000</u>	<u>18.322.489.829</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.894.109.479	103.425.000	2.997.534.479
- Khấu hao trong năm	348.387.587	-	348.387.587
Số dư cuối năm	<u>3.242.497.066</u>	<u>103.425.000</u>	<u>3.345.922.066</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	15.324.955.350	-	15.324.955.350
Tại ngày cuối năm	<u>14.976.567.763</u>	<u>-</u>	<u>14.976.567.763</u>

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	524.571.494	1.783.543.082
Công cụ dụng cụ xuất dùng	632.176.112	5.810.875.624
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	76.565.930
	<u>1.156.747.606</u>	<u>7.670.984.636</u>
b) Dài hạn		
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	6.235.082.357	6.411.546.952
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	2.520.000.000	3.600.000.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	2.386.103.611	5.153.770.814
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	233.808.017	1.267.078.683
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	44.445.390
	<u>11.374.993.985</u>	<u>16.476.841.839</u>

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty CP XNK và TM Tổng Hợp Miền Bắc	67.809.748.960	67.809.748.960	59.109.193.116	59.109.193.116
- Công ty CP Thương mại và Vận tải Việt Đức	65.372.867.565	65.372.867.565	8.833.147.921	8.833.147.921
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Nam Châm	33.446.609.757	33.446.609.757	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	174.307.053.943	174.307.053.943	61.836.273.288	61.836.273.288
	<u>340.936.280.225</u>	<u>340.936.280.225</u>	<u>129.778.614.325</u>	<u>129.778.614.325</u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	<u>4.939.587.344</u>	<u>4.939.587.344</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)



CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.833.112.967	124.131.240.259	126.705.491.970	-	258.861.256
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	124.471.292	124.471.292	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	4.144.337.139	16.027.388.767	14.439.368.241	-	5.732.357.665
Thuế Thu nhập cá nhân	-	78.768.028	2.149.116.700	2.141.809.856	-	86.074.872
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	528.106.500	528.106.500	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	7.056.218.134	142.963.323.518	143.942.247.859	-	6.077.293.793

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	167.677.400	48.625.069
- Chi phí phải trả khác	3.556.491.903	2.689.915.641
	3.724.169.303	2.738.540.710

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Doanh thu cho thuê văn phòng nhận trước	858.006.186	1.153.443.636
	858.006.186	1.153.443.636

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	438.329.887	743.689.764
- Bảo hiểm y tế	12.438.700	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	1.303.660
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	209.677.823	179.107.623
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.659.624.552	-
	2.320.070.962	924.101.047
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.145.910.700	1.745.054.700
- Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	18.468.000.000	18.468.000.000
	20.613.910.700	20.213.054.700

(*) Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh là khoản tiền đã nhận của đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/04/2011 về việc đầu tư Dự án Khu đô thị Việt Đức LEGEND CITY tại nút giao thông đường trục chính khu đô thị mới Mê Linh với quốc lộ 2A tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh phúc giữa Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (Bên A) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức (Bên B), theo đó: các bên thống nhất sử dụng tư cách pháp lý, hóa đơn, mã số thuế, tài khoản của Bên A trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, thành lập Ban điều hành Dự án để thay mặt các bên triển khai các thủ tục pháp lý, tổ chức quản lý kinh doanh và giám sát việc thực hiện hợp đồng; lợi nhuận sau thuế của Dự án được phân chia cho các bên theo tỷ lệ vốn đã góp, trong trường hợp cần thiết các bên sẽ phân chia sản phẩm của Dự án cho mỗi bên theo tỷ lệ vốn đã góp. Tổng vốn đầu tư dự kiến của dự án là 1.000 tỷ đồng, trong đó vốn tự có là 200 tỷ đồng (Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE góp 26% tương đương 52 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức góp 74% tương đương 148 tỷ đồng), vốn vay và huy động của các tổ chức cá nhân khác là 800 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	351.665.831.358	351.665.831.358	3.459.889.195.363	3.295.769.091.463	515.785.935.258	515.785.935.258
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên (1)	178.082.470.452	178.082.470.452	2.035.010.939.366	1.918.000.070.532	295.093.339.286	295.093.339.286
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên (2)	99.703.408.077	99.703.408.077	804.257.162.577	806.121.469.372	97.839.101.282	97.839.101.282
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (3)	46.239.817.489	46.239.817.489	365.221.093.420	341.607.416.219	69.853.494.690	69.853.494.690
- Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Vĩnh Phúc (4)	13.724.500.000	13.724.500.000	255.400.000.000	216.124.500.000	53.000.000.000	53.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Vĩnh Phúc	13.915.635.340	13.915.635.340	-	13.915.635.340	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	6.900.000.000	6.900.000.000	8.000.000.000	6.900.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	6.900.000.000	6.900.000.000	8.000.000.000	6.900.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
	358.565.831.358	358.565.831.358	3.467.889.195.363	3.302.669.091.463	523.785.935.258	523.785.935.258
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	24.279.903.850	24.279.903.850	8.000.000.000	14.900.000.000	17.379.903.850	17.379.903.850
	24.279.903.850	24.279.903.850	8.000.000.000	14.900.000.000	17.379.903.850	17.379.903.850
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(6.900.000.000)	(6.900.000.000)	(8.000.000.000)	(6.900.000.000)	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	17.379.903.850	17.379.903.850			9.379.903.850	9.379.903.850

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2016	Mục đích vay
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phúc Yên			295.093.339.286	
	Hợp đồng tín dụng số 01/2016/1509578/HĐTD ngày 30/06/2016	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2016 là 7,1%/năm	Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/06/2017, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	168.736.300.940	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C
	Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1853346/HĐTD ngày 30/06/2016	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2016 là từ 7%/năm đến 7,1%/năm	Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/06/2017, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	126.357.038.346	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C
2	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Xuyên			97.839.101.282	
	Hợp đồng tín dụng số 16.071.0002/2016-HĐTDHM/NHCT262-VG PIPE ngày 14/07/2016	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2016 từ 5,8%/năm đến 6,9%/năm	Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 10/07/2017, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng không quá 04 tháng	41.700.000.000	Bổ sung vốn lưu động
	Hợp đồng tín dụng số 16.071.0050/2016 ngày 27 tháng 12 năm 2016	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2016 từ 5,8%/năm đến 6,9%/năm	Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/11/2017, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng không quá 04 tháng	56.139.101.282	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C
3	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Vĩnh Phúc			69.853.494.690	
	Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01816022/HĐTD ngày 19/07/2016	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2016 từ 6,5%/năm đến 7%/năm	Thời hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng	69.853.494.690	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2016	Mục đích vay
4	Ngân hàng TMCP Liên Việt - CN Vĩnh Phúc			53.000.000.000	
	Hợp đồng tín dụng số 390.86/2016/HĐTD-LPBVP ngày 26/05/2016	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2016 là 7,2%/năm;	Thời hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng	53.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C
	Tổng cộng			515.785.935.258	

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2016 (VND)	Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới (VND)	Mục đích vay
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phúc Yên			17.379.903.850	8.000.000.000	
	Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HD ngày 25/11/2013	Áp dụng lãi suất cho vay thả nổi. Lãi suất tại từng thời điểm được quy định trong giấy nhận nợ. Lãi suất tại thời điểm 31/12/2016 là 9,5%/năm	72 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên trong đó ân hạn 09 tháng	12.777.792.000	4.400.000.000	Tiền vay được sử dụng cho dự án "Đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất tôn cuộn mạ kẽm nhúng nóng"
	Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1853346/HĐTD ngày 10/02/2015	Áp dụng lãi suất cho vay thả nổi. Lãi suất tại từng thời điểm được quy định trong giấy nhận nợ. Lãi suất tại thời điểm 31/12/2016 là 10,5%/năm	72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên trong đó ân hạn 09 tháng	4.602.111.850	3.600.000.000	Đầu tư cho dự án "Đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất tôn cán nguội mạ kẽm nhúng nóng (giai đoạn II)"
	Tổng cộng			17.379.903.850	8.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	20.882.164.713	-	48.844.842.617	651.631.717	498.196.262.254
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	48.182.393.423	4.286.647	48.186.680.070
Phân phối lợi nhuận Công ty mẹ	-	-	-	2.705.398.581	-	(6.763.496.454)	-	(4.058.097.873)
Phân phối lợi nhuận Công ty con	-	-	-	372.666.308	372.666.308	(1.863.331.540)	(699.186)	(1.118.698.110)
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	-	-	(9.000.827.500)	-	(9.000.827.500)
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ biểu quyết tại Công ty con trong năm	-	-	-	522.522	-	1.947.309	(2.469.831)	-
Ảnh hưởng do thanh lý Công ty con trong năm	-	-	-	-	-	-	(591.377.797)	(591.377.797)
Số dư cuối năm trước	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	23.960.752.124	372.666.308	79.401.527.855	61.371.550	531.613.941.044
Số dư đầu năm nay	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	23.960.752.124	372.666.308	79.401.527.855	61.371.550	531.613.941.044
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	81.509.464.990	14.860.449	81.524.325.439
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con	-	-	-	1.188.092.872	1.188.092.873	(5.940.464.363)	(2.229.067)	(3.566.507.685)
Chia cổ tức năm 2015 ⁽¹⁾	-	-	-	-	-	(36.003.310.000)	-	(36.003.310.000)
Phân phối lợi nhuận năm 2016 ⁽²⁾	-	-	-	5.256.127.181	-	(13.140.317.952)	-	(7.884.190.771)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ ⁽³⁾	-	2.024.664.646	15.990.198.846	-	-	-	-	18.014.863.492
Số dư cuối năm nay	375.997.100.000	69.835.386.699	-	30.404.972.177	1.560.759.181	105.826.900.530	74.002.932	583.699.121.519

(1) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 26/03/2016, Công ty mẹ công bố việc phân phối lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2015 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để phân phối	100,00%	45.031.087.877
Chi trả cổ tức (bằng 10% vốn điều lệ)	79,95%	36.003.310.000
Lợi nhuận chưa phân phối	20,05%	9.027.777.877

(2) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 31/12/2016 của Công ty mẹ và Quy định tại điều lệ của Công ty con, Công ty mẹ và Công ty con công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016 như sau:

	Tại Công ty mẹ		Tại Công ty con	
	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	52.560.945.762	100,00%	23.776.717.896
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	5.256.127.181	5,00%	1.188.835.895
Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0,00%	-	5,00%	1.188.835.895
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15,00%	7.884.190.771	15,00%	3.566.507.685
Lợi nhuận chưa phân phối	75,00%	39.421.285.664	75,00%	17.832.538.421

(3) Theo Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ ngày 24/09/2016, Công ty đã hoàn tất việc bán toàn bộ 1.596.400 cổ phiếu quỹ trong thời gian từ 01/09 đến 23/09/2016 với giá giao dịch bình quân 11.300 đồng/cổ phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Đầu năm</u>
	(%)	VND	(%)	VND
Ông Lê Minh Hải	7,60%	28.575.000.000	6,03%	22.660.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	6,28%	23.624.990.000	6,28%	23.624.990.000
Các cổ đông khác	86,12%	323.797.110.000	83,44%	313.748.110.000
Cổ phiếu quỹ	0,00%	-	4,25%	15.964.000.000
	100%	375.997.100.000	100%	375.997.100.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.997.100.000	375.997.100.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	375.997.100.000	375.997.100.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	375.997.100.000	375.997.100.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	36.003.310.000	9.000.827.500
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	36.003.310.000	9.000.827.500

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.599.710	37.599.710
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	-	1.596.400
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	1.596.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.599.710	36.003.310
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.599.710	36.003.310
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	30.404.972.177	23.960.752.124
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.560.759.181	372.666.308
	31.965.731.358	24.333.418.432

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.352,51	7.009,68

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.776.252.184.434	1.461.529.696.317
Doanh thu bán thành phẩm	2.793.944.107.320	1.977.660.467.936
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.094.394.293	5.687.498.510
	<u>4.579.290.686.047</u>	<u>3.444.877.662.763</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)	<u>10.529.750.328</u>	<u>29.205.881.449</u>

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	27.888.135.195	15.101.909.864
Hàng bán bị trả lại	402.066.204	899.634.807
Giảm giá hàng bán	95.156.754	385.490.893
	<u>28.385.358.153</u>	<u>16.387.035.564</u>

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.765.070.425.224	1.438.605.450.693
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.524.512.296.465	1.830.224.021.013
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.798.852.422	5.549.463.433
	<u>4.301.381.574.111</u>	<u>3.274.378.935.139</u>

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	13.424.902.647	17.515.731.463
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	78.773.282
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	286.267.920	1.895.547.908
	<u>13.711.170.567</u>	<u>19.490.052.653</u>

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	33.076.283.827	36.921.124.331
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	129.715.812
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	7.402.083	321.538.689
	<u>33.083.685.910</u>	<u>37.372.378.832</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.294.648.726	669.212.696
Chi phí nhân công	15.209.737.534	10.888.183.678
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.322.866.493	1.038.253.014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.361.098.860	34.472.516.610
Chi phí khác bằng tiền	2.923.417.708	1.469.938.797
	102.111.769.321	48.538.104.795

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.459.673.237	1.360.444.828
Chi phí nhân công	18.412.663.731	13.843.939.334
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.591.714.128	2.935.583.909
Thuế, phí, lệ phí	1.525.785.427	1.357.546.849
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(60.000.000)	19.960.553.187
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.518.254.624	2.191.713.997
Chi phí khác bằng tiền	3.844.804.249	2.052.484.908
	31.292.895.396	43.702.267.012

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tiền phạt thu được	101.950.500	414.061.952
Thu nhập khác	12.491.150	2.187.544
	114.441.650	416.249.496

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	3.411.391.837	1.940.423
Các khoản bị phạt	235.983.183	235.000.000
Chi phí khác	1.107.343.285	644.632.983
	4.754.718.305	881.573.406

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<i>Thuế TNDN hiện hành</i>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	17.640.694.249	8.899.417.467
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(1.704.336.584)	(126.729.807)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>15.936.357.665</u>	<u>8.772.687.660</u>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	91.031.102	-
Ảnh hưởng khi thanh lý công ty con	-	27.706.471
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	4.144.337.139	1.253.499.773
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(14.439.368.241)	(5.909.556.765)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>5.732.357.665</u>	<u>4.144.337.139</u>

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	81.509.464.990	48.182.393.423
Các khoản điều chỉnh	(11.448.469.389)	(5.176.096.796)
- <i>Quý khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(11.448.469.389)	(5.176.096.796)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	70.060.995.601	43.006.296.627
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	36.436.306	36.003.310
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.923</u>	<u>1.195</u>

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.389.042.392.662	1.703.797.241.034
Chi phí nhân công	67.732.606.451	43.874.326.646
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.300.860.650	32.413.899.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	157.332.021.238	69.674.896.599
Chi phí khác bằng tiền	14.098.066.780	12.150.324.107
Chi phí dự phòng	(60.000.000)	19.960.553.187
	<u>2.690.445.947.781</u>	<u>1.881.871.240.798</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.152.904.699	-	-	11.152.904.699
Phải thu khách hàng, phải thu khác	548.766.978.844	-	-	548.766.978.844
Các khoản cho vay	-	104.000.000.000	-	104.000.000.000
	559.919.883.543	104.000.000.000	-	663.919.883.543
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.502.815.111	-	-	25.502.815.111
Phải thu khách hàng, phải thu khác	329.605.574.560	-	-	329.605.574.560
Các khoản cho vay	-	130.000.000.000	-	130.000.000.000
	355.108.389.671	130.000.000.000	-	485.108.389.671

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	523.785.935.258	9.379.903.850	-	533.165.839.108
Phải trả người bán, phải trả khác	343.256.351.187	20.613.910.700	-	363.870.261.887
Chi phí phải trả	3.724.169.303	-	-	3.724.169.303
	870.766.455.748	29.993.814.550	-	900.760.270.298
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	358.565.831.358	17.379.903.850	-	375.945.735.208
Phải trả người bán, phải trả khác	130.702.715.372	20.213.054.700	-	150.915.770.072
Chi phí phải trả	2.738.540.710	-	-	2.738.540.710
	492.007.087.440	37.592.958.550	-	529.600.045.990

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	3.459.889.195.363	2.840.098.515.223
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	3.302.669.091.463	3.128.452.914.327

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.



CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.765.558.749.167	1.776.252.184.434	9.094.394.293	4.550.905.327.894	-	4.550.905.327.894
Chi phí bộ phận trực tiếp	2.524.512.296.465	1.765.070.425.224	11.798.852.422	4.301.381.574.111	-	4.301.381.574.111
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	241.046.452.702	11.181.759.210	(2.704.458.129)	249.523.753.783	-	249.523.753.783
Tổng chi phí mua TSCĐ	10.200.669.711	-	-	10.200.669.711	-	10.200.669.711
Tài sản bộ phận	870.630.707.362	315.136.586.338	46.201.495.342	1.231.968.789.042	-	1.231.968.789.042
Tài sản không phân bổ	-	-	-	288.359.095.532	-	288.359.095.532
Tổng tài sản	870.630.707.362	315.136.586.338	46.201.495.342	1.520.327.884.574	-	1.520.327.884.574
Nợ phải trả bộ phận	445.316.328.386	456.102.288.087	3.003.916.886	904.422.533.359	-	904.422.533.359
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	32.206.229.696	-	32.206.229.696
Tổng nợ phải trả	445.316.328.386	456.102.288.087	3.003.916.886	936.628.763.055	-	936.628.763.055

Theo khu vực địa lý

Hơn 90% hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016		Năm 2015	
		VND		VND	
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ		10.529.750.328		29.205.881.449	
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	7.806.795.517		27.620.752.530	
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	2.722.954.811		1.585.128.919	
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ		4.102.861.099		5.283.509.077	
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	126.660.000		297.779.802	
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	3.976.201.099		4.985.729.275	
Lãi cho vay vốn		13.295.377.778		17.457.593.332	
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	13.295.377.778		17.457.593.332	

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2016		01/01/2016	
		VND		VND	
Phải thu ngắn hạn khách hàng		2.775.606.572		1.350.382.939	
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	2.775.606.572		1.231.251.360	
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	-		119.131.579	
Cho vay dài hạn		104.000.000.000		130.000.000.000	
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	104.000.000.000		130.000.000.000	
Phải thu lãi cho vay		1.026.111.111		1.336.482.222	
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	1.026.111.111		1.336.482.222	
Phải trả người bán ngắn hạn		4.939.587.344		-	
Công ty CP Sản xuất thép Việt - Đức	Công ty liên kết	4.939.587.344		-	
Phải trả khác		18.468.000.000		18.468.000.000	
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Công ty liên kết	18.468.000.000		18.468.000.000	

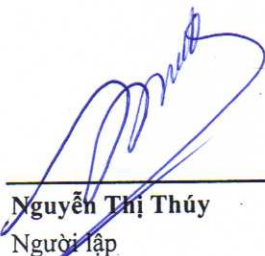
(*) Tổng Giám đốc Công ty CP Thép và Vật tư Công Nghiệp là vợ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	Năm 2016		Năm 2015	
	VND		VND	
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.176.000.000		1.153.500.000	

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Nguyễn Thị Thúy
Người lập


Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 03 năm 2017